



VAN CAO CHEMICAL

Thông tin an toàn sản phẩm

PMA
Version 1A
Effective Date 01-Aug-2010

1. NHẬN DẠNG CÔNG TY/ĐƠN VỊ SẢN XUẤT CHẤT/CHẾ PHẨM

Tên sản phẩm : TOPSoI PMA
Sử dụng / Hạn chế được khuyến cáo : Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.

Nhà cung cấp : **Công Ty TNHH TM-DV VĂN CAO**
160/87 PHAN HUY ÍCH, PHƯỜNG 12, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM

Điện thoại : 0903.735.753
Fax : 028.3831.1160
Số điện thoại khẩn cấp : 0903.735.753

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ

Phân loại theo GHS : Các chất lỏng dễ cháy, Loại 3

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)
(Các) Biểu tượng :



Các từ tín hiệu : Cảnh báo
Công bố về nguy hiểm theo GHS : **CÁC NGUY HẠI THỂ CHẤT:**
Chất lỏng/ hơi dễ cháy.
CÁC NGUY HẠI SỨC KHOẺ:
Không thuộc loại nguy hại đối với sức khoẻ theo tiêu chuẩn của GHS.
CÁC NGUY HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Công bố về cảnh báo theo GHS : **NGĂN NGỪA:**
Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa điện/ trên các bề mặt nóng. Không hút thuốc lá.
Luôn đóng hộp chặt chẽ.
Nối dây tiếp đất cho công te nơ và thiết bị tiếp nhận.
Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.
Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện..
Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.
Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt.

.....



VAN CAO CHEMICAL

TOPSoI PMA
Version 1A

Effective Date 01-Aug-2010

Thông tin an toàn sản phẩm

PHẢN ỨNG:

Nếu bị DÍNH TRÊN DA HOẶC TÓC: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Rửa bộ phận bị dính bằng vòi nước hoặc vòi hoa sen.

Nếu có hoả hoạn:

Dùng loại bọt chống cồn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

LƯU TRỮ:

Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Giữ nhiệt độ thấp.

THẢI BỎ:

Sản phẩm thải loại và phương tiện chứa phải được tồn chứa ở nơi thích hợp hoặc thu hồi/ tái chế theo đúng các quy định của địa phương/quốc gia.

Các môi nguy hại khác không được nêu trong phân loại

: Các loại hơi nặng hơn không khí. Hơi có thể chuyển động trên mặt đất và tiếp cận những nguồn gây cháy nổ ở xa gây nên nguy cơ về hỏa hoạn. Phơi nhiễm liên tục, nhiều lần có thể làm khô hoặc nứt nẻ da. Kích ứng nhẹ hệ hô hấp. Gây kích ứng nhẹ cho mắt. Các loại hơi có thể gây ngứa gật hay chóng mặt.

Điều kiện Y tế Tăng cường

: Các điều kiện y tế đã có của các cơ quan hay hệ thống các cơ quan dưới đây có thể bị xấu đi khi có sự tiếp xúc với vật liệu này: Da. Mắt. Hệ hô hấp.

3. CẤU TẠO CHẤT/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Tên đồng nghĩa	: 1-methoxy-propan-2-yl acetate 1-methoxy-2-propanol acetate PGMEA 1-methoxy-2-propyl acetate PMA
Số CAS	: 108-65-6
Số INDEX	: 607-195-00-7
Số EINECS	: 203-603-9

Các Thành phần Nguy hiểm

Nhận dạng về hoá chất	Cụm từ R	CAS	EINECS	Nồng độ
Propylene Glycol	R10;R36	108-65-6	203-603-9	>99.5 %
Monomethyl Ether Acetate				
Methoxypropanolacetate	R61;R10;R37	70657-70-4	274-724-2	0.11 %
2-methoxy-1-propanol	R61;R10; R37/38; R41	1589-47-5	216-455-5	0.01 %

Thông tin Bổ sung : Ổn định với 25 ppm BHT



VAN CAO CHEMICAL

TOPSoI PMA
Version 1A

Effective Date 01-Aug-2010

Thông tin an toàn sản phẩm

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải	: Chuyển đến khu vực có không khí sạch. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo
Tiếp xúc với Da	: Loại bỏ quần áo bị tiếp xúc với dầu nhờn. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.
Tiếp xúc Mắt	: Ngay lập tức xối mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt mở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.
Khi nuốt phải	: Nếu nuốt phải, đừng cố ói ra: chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm. Nếu tự động nuốt phải, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.
Những triệu chứng/ tác động cấp tính và lâu dài quan trọng nhất	: Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt phồng rộp, và/hoặc mờ mắt. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng da có thể bao gồm một cảm giác bỏng rát, đỏ, phồng, và/hay rộp. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm một cảm giác bỏng tạm thời trên mũi và họng, ho, và/hay khó thở. Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói.
Chăm sóc y tế ngay lập tức, điều trị đặc biệt	: Gây suy yếu hệ thần kinh trung ương. Có thể gây viêm phổi. Xem xét: Rửa dạ dày với một đường dẫn khí được bảo vệ, sử dụng than hoạt tính. Hãy đi khám bác sĩ hoặc đến trung tâm y tế gần nhất.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Giải tán những người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.

Các mối nguy hại cụ thể phát sinh từ hoá chất	: Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn. Hơi này nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất và có khả năng bắt cháy từ xa.
Loại phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bột chống cồn, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không nên đổ nước dập lửa vào môi trường nước khác.
Các Phương tiện Dập lửa Không phù hợp	: Không có dữ liệu
Thiết bị bảo vệ và các lưu ý phòng ngừa cho lính cứu hoả	: Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxi.
Lời khuyên bổ sung	: Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.

6. BIỆN PHÁP GIÀM NHỆ TAI NẠN

Tuân theo tất cả các qui định tương ứng của địa phương và quốc tế.

Thông tin an toàn sản phẩm

- Lưu ý phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình khẩn cấp** : Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang phục bị nhiễm bẩn. Để biết hướng dẫn lựa chọn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy xem Chương 8 của Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu này. Để biết hướng dẫn cách thải bỏ vật liệu bị tràn đổ, xem Chương 13 của Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu này.
- Các lưu ý phòng ngừa về môi trường** : Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây các nguy cơ cho con người. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy.
- Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch** : Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại như chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.
Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (< 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.
- Lời khuyên bổ sung** : Xem Chương 13 để biết thông tin về thải bỏ. Thông báo cho nhà chức trách nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với dân chúng hay môi trường hay có thể sẽ có những sự tiếp xúc đó. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

- Cảnh báo Chung** : Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy xem Chương 8 của Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.
- Các lưu ý phòng ngừa về xử lý an toàn** : Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo cho nguồn điện liên tục bằng cách nối chắc chắn và nối đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dây chuyền để tránh tạo ra nguồn điện tĩnh (<=1m/giây đến khi ống nạp ngập xuống sâu hơn hai lần

Thông tin an toàn sản phẩm

	đường kính, sau đó vận tốc là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn tóe khi nạp. KHÔNG sử dụng khí nén trong các hoạt động nạp, thải ra hay xử lý. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Nhiệt độ Xử lý: Xung quanh.
Các điều kiện cho việc lưu chứa an toàn	: Tránh xa các bình xịt, các nguyên tố dễ cháy, có tính ôxi hóa, các chất ăn mòn và cách xa các sản phẩm có hại hay gây độc cho con người hay cho môi trường. Phải được cất chứa trong khu vực thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác Nhiệt độ lưu trữ: Nhiệt độ môi trường xung quanh.
Vận chuyển Sản phẩm	: Đóng chặt dụng cụ chứa khi không sử dụng. Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý.
Vật liệu đề xuất	: Sử dụng thép nhẹ, thép không rỉ làm dụng cụ chứa hay vật liệu lót dụng cụ chứa.
Vật liệu không phù hợp	: Nhôm. Phần lớn các loại nhựa. Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su neopren hay cao su nitril.
Lời khuyên về Thùng chứa	: Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.
Hạn sử dụng	: Thời hạn sử dụng của sản phẩm phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả loại vật liệu làm bao bì, nhiệt độ bảo quản, môi trường thông thoáng, vv.... Do ảnh hưởng của các yếu tố này, rất khó để đưa ra thời hạn sử dụng chính xác. Nếu các khuyến nghị về an toàn và xử lý sản phẩm được tuân thủ, sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất là 18 tháng khi được lưu trữ dưới 40°C (104°F) trong thùng phuy kín và 6 tháng khi được lưu trữ trong bồn chứa. Điều này không có nghĩa là sau giai đoạn này thì sản phẩm không dùng được nữa, mà chỉ đơn thuần là nếu sản phẩm đã quá hạn nêu trên, sản phẩm nên được thử nghiệm lại và đạt các tiêu chuẩn chất lượng trước khi được quyết định tiếp tục sử dụng.
Khuyến cáo khác	: Glycol ête có thể là các peroxit trước đó. Được ổn định bằng 25 ppm BHT Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các qui định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề nghiệp

Thông tin Bổ sung : Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc và đi vệ sinh.

Chỉ số Tiếp xúc Sinh học (BEI) - Xem tham khảo để có đầy đủ các chi tiết

Không có giới hạn về sinh học.

Thông tin an toàn sản phẩm

- Các giải pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/giới hạn sự tiếp xúc. Rửa mắt và tắm trong trường hợp sử dụng khăn cấp
- Các biện pháp bảo hộ cá nhân** : Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp** : Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ [điểm sôi >65 °C (149 °F)] thỏa mãn EN141. Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một sự kết hợp phù hợp giữa mặt nạ và bộ lọc. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxi, không gian hạn chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất. Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ [điểm sôi >65 °C (149 °F)].
- Bảo vệ Tay** : Nếu có khả năng tiếp xúc bằng tay với sản phẩm, sử dụng loại găng tay đạt chuẩn phù hợp (ví dụ loại Europe EN 374, US: F739, AS/NZS:2161) được sản xuất từ các loại nguyên liệu dưới đây có thể bảo vệ được tay chống lại các loại hoá chất: Sự bảo vệ dài hạn hơn: Cao su tự nhiên. Cao su Butyl Cao su nitril. Sự bảo vệ cho tiếp xúc/Bắn tóe không chủ đích: PVC Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dày của găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.
- Bảo vệ Mắt**
Quần áo Bảo hộ : Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).
: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này. Giầy và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất,
- Các mối nguy hại về nhiệt**
Phương pháp theo dõi : Không áp dụng.
: Theo dõi nồng độ chất trong vùng thở của công nhân hay nơi làm việc nói chung phải tuân thủ Giới hạn Tiếp xúc Nghề nghiệp và kiểm soát tiếp xúc. Đối với vài chất cũng phải theo dõi sinh học. Thông tin về các phương pháp thích hợp có sẵn theo yêu cầu. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

Thông tin an toàn sản phẩm

	Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích. http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại http://www.hls.gov.uk/search.htm
Kiểm soát tiếp xúc môi trường	: Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.

9. CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HOÁ

Màu sắc	: Sạch. Chất lỏng.
Mùi	: Chứa Ête
Điểm sôi	: 143 – 149 °C / 289 - 300 °F
Điểm chớp cháy	: 45 °C / 113 °F (Abel)
Các giới hạn bốc cháy hoặc gây nổ trong không khí	: 1.5 - 7 %(V)
Nhiệt độ tự bốc cháy	: 315 °C / 599 °F (ASTM E-659)
Áp suất hơi	: 420 Pa ở 20 °C / 68 °F
Độ đậm đặc tương đối	: 0.96 – 0.97 ở 20 °C / 68 °F
Độ tan trong nước	: 230 g/l ở 20 °C / 68 °F
Hàm lượng carbon hữu cơ dễ bay hơi	: 54.5 % (EC/1999/13)
Tỉ lệ bay hơi (nBuAc=1)	: 0.3 (ASTM D 3539, nBuAc=1) 34 (DIN 53170, di-ethyl ether = 1)

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Ổn định về mặt hoá chất	: Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường. Glycol ête có thể là các peroxit trước đó. Có thể có phản ứng dễ dàng ở những nhiệt độ cao khi có mặt các bazơ mạnh hay muối của các bazơ mạnh. Phản ứng với các nguyên tố ôxi hóa mạnh Ôxi hóa khi tiếp xúc với không khí để tạo ra các peroxit không bền.
Khả năng có các phản ứng nguy hại	: Hút ẩm.
Các điều kiện cần tránh	: Sự tiếp xúc với không khí. Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.
Các vật liệu không tương thích	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh. Nhôm. Axit. Các bazơ mạnh. Muối của các bazơ mạnh.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Sự phân huỷ do nhiệt phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện. Một phức hợp của các chất rắn bay trong không khí, các chất lỏng và gas, bao gồm cả ô xít các bon và các hợp chất hữu cơ khác sẽ tiến triển khi vật liệu này trải qua quá trình phân rã do bị nén hay do nhiệt hoặc do ô xy hoá.
Độ nhạy đối với Điện	: Có

Thông tin an toàn sản phẩm

tính

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá	: Thông tin đã cho là dựa vào kiểm tra sản phẩm.
Những đường có khả năng phơi nhiễm	: Phơi nhiễm có thể qua đường hô hấp, nuốt phải, thấm qua da, tiếp xúc với da hoặc mắt và do sơ suất nuốt phải
Mức độ độc hại cấp tính - Miệng	: Có độc tính thấp: LD50 > 2000 mg/kg, Chuột
Mức độ độc hại cấp tính - Da	: Có độc tính thấp: LD50 > 2000 mg/kg, Thỏ
Mức độ độc hại cấp tính - Khi hít vào	: Có độc tính thấp: LD50 > 20 mg/l/6 giờ, Chuột
Bào mòn / Kích ứng da	: Không kích ứng da. Sự tiếp xúc kéo dài/lặp lại có thể làm mất mỡ trên da và có thể dẫn đến viêm da.
Phá huỷ / Kích ứng mắt trầm trọng	: Được cho là chất kích ứng nhẹ.
Kích ứng Hô hấp	: Hít vào hơi hay sương có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Gây xúc cảm hô hấp hoặc da	: Không phải là một chất gây nhạy cảm da.
Liều Độc tính Lặp lại	: Thận: gây các hiệu ứng trên thận của chuột đực và các hiệu ứng này không được coi là xác đáng đối với người.
Nguy hại khi hít phải	: Không có thông tin.
Biến đổi tế bào phôi	: Không có bằng chứng của hoạt động biến đổi gen.
Khả năng gây ung thư	: Không phải là chất gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật.
Độc hại đối với sinh sản và phát triển	: Gây độc cho bào thai trên động vật ở những liều lượng đủ gây độc cho cơ thể mẹ. Không làm giảm độ phì nhiêu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá	: Các số liệu về độc tính đối với môi trường dựa trên thử nghiệm với sản phẩm.
Độc cấp tính Cá	: Có độc tính thấp: LC/EC/IC50 > 1000 mg/l
Không cứng dưới Nước	: Có độc tính thấp: LC/EC/IC50 > 1000 mg/l
Algae	: Có độc tính thấp: LC/EC/IC50 > 1000 mg/l
Các vi sinh vật	: Có độc tính thấp: LC/EC/IC50 > 1000 mg/l
Độ linh động	: Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động cao và có thể làm ô nhiễm nước ngầm. Tan trong nước.

Thông tin an toàn sản phẩm

- Tính bền/dễ phân hủy** : Dễ phân hủy thỏa mãn các tiêu chuẩn window 10 ngày. Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.
- Có nguy cơ gây tích lũy sinh học** : Không được cho là có thể tích lũy sinh hóa tốt.

13. CÁC CÂN NHẮC VIỆC THÁI BÓ

- Hủy bỏ Vật liệu** : Lấy lại hay tái chế nếu có thể. Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các qui định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước. Sản phẩm thải không được làm nhiễm đất hay nước.
- Loại bỏ Thùng chứa** : Thoát nước toàn bộ thùng chứa. Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ. Không đâm chọc, cắt hay hàn các drum chứa được làm sạch. Đưa đến các phuy hay thùng chứa kim loại để trữ lại.
- Điều luật Địa phương** : Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương. Các qui định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

IMDG

Số nhận dạng (ID)	UN 3272
Tên vận chuyển đúng	ESTERS, N.O.S
Tên kỹ thuật	(Propylene Glycol Monomethyl Ether Acetate)
Loại / Bộ phận	3
Nhóm đóng gói	III
Chất gây ô nhiễm dưới biển:	Số

IATA (Sự thay đổi theo từng nước có thể được áp dụng).

Số UN	: 3272
Tên vận chuyển đúng	: ESTERS, N.O.S
Tên kỹ thuật	: (Propylene Glycol Monomethyl Ether Acetate)
Loại / Bộ phận	: 3
Nhóm đóng gói	: III

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho vật liệu này.

Thông tin an toàn sản phẩm

EC Tên	: 1-METHOXY-2- PROPYL ACETATE
EC Nhãn/EC Số	: 203-603-9
EC Phân loại	: Dễ cháy. Gây kích ứng
EC Phụ lục/Số	: 607-195-00-7
EC Cụm từ nguy hiểm	: R10 Dễ cháy R36 Kích ứng với mắt
EC Cụm từ an toàn	: S25 Tránh tiếp xúc với mắt
AICS	: Đã được liệt kê.
DSL	: Đã được liệt kê.
INV (CN)	: Đã được liệt kê.
ENCS (JP)	: Đã được liệt kê. (2)-3144
TSCA	: Đã được liệt kê.
EINECS	: Đã được liệt kê. 203-603-9
KECI (KR)	: Đã được liệt kê. KE-23315
PICCS (PH)	: Đã được liệt kê.

Các Thông tin khác : Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 5, phần D của Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp ("Thông tư 12").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003 quy định danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các mặt hàng nguy hiểm; Thông tư 20/2004/TT-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 3/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003; Nghị định 29/2005/ND-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 108/2008/ ND-CP ngày 7 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc thực hiện Luật Hoá chất; Nghị định số 68/2005/ND-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Thông tư 12/2006 TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2005/ND-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật.

16. THÔNG TIN KHÁC**Cụm từ R**

Thông tin an toàn sản phẩm

R10	Dễ cháy
R36	Kích ứng với mắt
R37	Kích ứng với hệ thống hô hấp
R37/38	Kích ứng với hệ thống hô hấp và da
R41	Gây nguy hiểm nghiêm trọng cho mắt
R61	Có thể gây nguy hiểm cho thai nhi

Số Phiên bản MSDS	: 1A
Ngày có Hiệu lực MSDS	: 01.08.2010
Kiểm duyệt MSDS	: Một thanh thẳng đứng () ở lề trái cho biết có sự sửa đổi từ phiên bản trước.
Cách dùng và các Hạn chế	: Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.
Phân phối MSDS	: Mọi người phải biết thông tin trong tài liệu để có thể sử dụng những sản phẩm này.
Từ chối trách nhiệm pháp lý	: Thông tin này được dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và để mô tả sản phẩm chỉ nhằm phục vụ cho các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, và môi trường. Vì vậy, nó không được coi như là sự bảo đảm về bất kỳ thuộc tính cụ thể gì của sản phẩm.